TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Hồng Oanh

2. Ông Nguyễn Hữu Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chúc D , sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện G, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Lê Văn Út N, sinh năm 1990

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện J, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc D trình bày: Chị và anh Lê Văn Út N xây dựng hôn nhân năm 2016, thời gian chung sống khoảng 06 tháng nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh N không có con chung. Quá trình chung sống chị và anh N không hợp nhau về tính cách và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên thường xuyên cãi nhau, chị về nhà cha mẹ chị sống tại ấp V, xã X, huyện G, tỉnh Vĩnh Long. Nay chị xét thấy không thể sống chung với nhau được, yêu cầu ly hôn với anh N, con chung không có nên không yêu cầu gì. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị D, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh N không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp cho nên không tiến hành phiên họp được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện,bị đơn vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Chúc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Út N, địa chỉ ấp G, xã V, huyện J, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện J. Do đó, Tòa án nhân dân huyện J, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn Út N được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Chúc D và anh Lê Văn Út N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3] Về tài sản, nợ chung**:** Chị D không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng nên khấu trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Chúc D.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Chúc D và anh Lê Văn Út N là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Chúc D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu số 0014400 ngày 02/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện J.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết bản án tại nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện J;
- Thi hành án dân sự huyện J;
- Lưu hồ sơ vụ án.